

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Tạ Quang Đức

2. ông Võ Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

Bị đơn: ông **Đinh Công T**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: bà và ông Đinh Công T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ vào năm 2013. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và không thể khắc phục được. Từ tháng 01/2019 bà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, bà và ông T sống ly thân đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông bà có 03 con chung là Đinh Thị Hà T2 (nữ) sinh ngày 31/12/2009, Đinh Nhật D (nam) sinh ngày 06/4/2013 và Đinh Thị Nhật L (nữ) sinh ngày 14/5/2015, bà yêu cầu nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đinh Công T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 02/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 25/7/2022 bà H yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bị đơn Đinh Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn, nhưng nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà H yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đôi bên có nhiều bất đồng về quan điểm, bà H và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Theo lời trình bày của bà H mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh từ năm 2018 đến tháng 01/2019 bà H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian dài sống ly thân, vợ chồng vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt, qua đó cho thấy phía bị đơn cũng không còn mặn mà níu kéo mối quan hệ hôn nhân. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà H được ly hôn với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà H và ông T có 03 con chung là Đinh Thị Hà T2 (nữ) sinh ngày 31/12/2009, Đinh Nhật D (nam) sinh ngày 06/4/2013 và Đinh Thị Nhật L (nữ) sinh ngày 14/5/2015. Hiện nay các con chung đang sống cùng với bà H. Bà H đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, cả

03 con chung của bà H và ông T cũng có nguyện vọng chung sống với mẹ. Xét thấy yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của các con chung, ông T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H và nguyện vọng của các cháu. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có, bị đơn không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, dành quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Đinh Công T.

- *Về con chung*: giao cháu Đinh Thị Hà T2 (nữ) sinh ngày 31/12/2009, Đinh Nhật D (nam) sinh ngày 06/4/2013 và Đinh Thị Nhật L (nữ) sinh ngày 14/5/2015 cho bà H nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: chưa xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà H nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0007505 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã G;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa